

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **565** /2022/HNGĐ - ST
Ngày: 13 - 5 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sỹ

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân Tp. Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Vũ Thế L**, sinh năm 1980

Trú tại: thôn 16, xã E, huyện C, tỉnh Đ

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc G**, sinh năm 1981

Trú tại: Tổ 24, KV4, P. T, Tp. Q, tỉnh B

(Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt; chị G vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh **Vũ Thế L** trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Thị Ngọc G tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 16/02/2008. **Sau khi cưới vợ**

chồng thuê nhà ở thành phố H sống hạnh phúc, sau đó về lại nhà cha mẹ ruột anh ở tỉnh Đ được một thời gian, cuối cùng chuyển về quê vợ ở Tp. Q thuê nhà sinh sống. Sau một thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là có những bất đồng trong cuộc sống nhưng không thể giải quyết được, hai bên cãi nhau sau đó chị G bỏ anh và con về nhà mẹ ruột ở từ năm 2009 cho đến nay, hai bên không liên lạc gì, sống ly thân. Chị G không liên lạc thăm hỏi con và anh. Nay anh nhận thấy đã hơn 12 năm trôi qua, cuộc sống hôn nhân không có, tình cảm vợ chồng không còn và không liên quan gì đến nhau nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị G.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị G có 01 con chung tên **Vũ Trường A, sinh ngày 26/11/2004** sức khỏe cháu bình thường, hiện đang ở với anh từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu A; không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, vợ chồng anh không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh.

*Bị đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc G***: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chị G không đến Tòa làm việc nên Tòa không lấy được lời khai.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Vũ Thế L** được ly hôn chị **Nguyễn Thị Ngọc G**.

- Giao anh **Vũ Thế L** được trực tiếp nuôi dưỡng **Vũ Trường A**.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh **Vũ Thế L** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với **chị Nguyễn Thị Ngọc G**, trú tại: Tổ 24, KV4, P. T, Tp. Q, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

- Đối với nguyên đơn: Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ **chị Nguyễn Thị Ngọc G** để làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng **chị G** không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng **chị G** không có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt **bị đơn theo quy định**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Vũ Thế L** và **chị Nguyễn Thị Ngọc G** cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 16/02/2008 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa **anh L và chị G** là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. **Anh** trình bày, sau một thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do có những bất đồng trong cuộc sống nhưng không thể giải quyết được, hai bên cãi nhau sau đó **chị G** bỏ **anh** và con về nhà mẹ ruột ở từ năm 2009 cho đến nay, sống ly thân. **Chị G** không liên lạc thăm hỏi con và **anh**, hai bên không liên lạc gì. **Anh L** thấy rằng cuộc sống hôn nhân không có, tình cảm vợ chồng không còn và hai bên không liên quan gì đến nhau nữa nên **anh** yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn **chị G**.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng **anh L và chị G** sống ly thân trong thời gian dài, cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ **chị G** đến Tòa làm việc và hòa giải nhưng **chị G** không đến Tòa chứng tỏ **chị** không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, **anh L** yêu cầu ly hôn **chị G** là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng **anh L và chị G** có 01 con chung là cháu **Vũ Trường A, sinh ngày 26/11/2004**; hiện cháu đang ở với anh L, sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh L yêu cầu được nuôi các cháu A. Xét thấy: Từ khi vợ chồng ly hôn, anh L là người trực tiếp **chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A cho đến nay**; anh L có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác, nguyện vọng của cháu A là được ở với anh L. Do đó, để phát triển một cách toàn diện về mọi mặt nên giao cháu A cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Vũ Thế L** không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh **Vũ Thế L** không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh **Vũ Thế L** phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh **Vũ Thế L** được ly hôn chị **Nguyễn Thị Ngọc G.**

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu **Vũ Trường A, sinh ngày 26/11/2004** cho anh **Vũ Thế L** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Vũ Thế L** không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh **Vũ Thế L** không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Anh **Vũ Thế L** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003398 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q, tỉnh B.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND xã E, huyện C, tỉnh Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định

